



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý
Phú Nhuận và các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh sau cùng là ngày 16 tháng 2 năm 2011.

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Ông Bùi Việt	Thành viên
	(từ ngày 8 tháng 3 năm 2011)
Ông Đặng Phước Dừa	Thành viên
	(đến ngày 8 tháng 3 năm 2011)

Ban Giám đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

170E Phan Đăng Lưu
Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street,
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con ("Tập đoàn") và bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-208



Hà Vũ Định
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		1.176.638.742.453	982.017.730.615	1.091.212.414.489	867.823.005.658
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	337.769.093.757	274.965.948.571	317.023.440.697	244.771.724.200
Tiền	111		51.495.543.237	88.229.893.131	30.749.890.177	58.035.668.760
Các khoản tương đương tiền	112		286.273.550.520	186.736.055.440	286.273.550.520	186.736.055.440
Đầu tư ngắn hạn	120		-	29.475.000.000	-	29.475.000.000
Các khoản phải thu	130	5	57.575.438.981	138.191.257.787	41.956.414.537	106.439.924.901
Phải thu thương mại	131		28.962.855.812	39.023.700.978	16.029.437.397	13.026.558.751
Trả trước cho người bán	132		14.165.423.476	21.221.519.128	11.348.628.701	19.760.327.591
Phải thu khác	135		16.058.429.474	79.519.332.424	16.174.833.370	75.226.333.302
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.611.269.781)	(1.573.294.743)	(1.596.484.931)	(1.573.294.743)
Hàng tồn kho	140	6	751.709.044.884	520.649.533.349	718.714.872.670	477.039.657.212
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.585.164.831	18.735.990.908	13.517.686.585	10.096.699.345
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.765.289.565	6.952.661.989	6.587.463.910	3.555.743.505
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.933.589.620	3.847.907.717	-	-
Thuế phải thu Nhà nước	154		576.939.248	-	115.590.835	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		8.309.346.398	7.935.421.202	6.814.631.840	6.540.955.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tài sản dài hạn	200		1.287.569.967.482	1.043.636.942.969	1.110.647.819.291	865.772.260.671
Tài sản cố định	220		331.638.373.756	362.827.774.927	293.887.652.439	260.624.885.020
Tài sản cố định hữu hình	221	7	96.848.837.225	102.456.222.071	59.355.070.397	48.619.779.375
<i>Nguyên giá</i>	222		170.255.698.399	179.485.689.995	114.459.921.911	94.143.089.866
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(73.406.861.174)	(77.029.467.924)	(55.104.851.514)	(45.523.310.491)
Tài sản cố định vô hình	227	8	193.164.202.785	210.294.141.155	192.907.248.296	202.582.212.236
<i>Nguyên giá</i>	228		193.653.741.363	211.669.894.351	193.276.744.251	202.832.509.251
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(489.538.578)	(1.375.753.196)	(369.495.955)	(250.297.015)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	41.625.333.746	50.077.411.701	41.625.333.746	9.422.893.409
Đầu tư dài hạn	250	10	749.471.560.231	520.427.787.830	797.419.988.080	592.572.191.080
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	80.000.000.000	90.990.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		261.453.501.831	129.730.479.430	230.474.829.680	110.884.882.680
Đầu tư dài hạn khác	258		498.818.058.400	401.497.308.400	497.745.158.400	401.497.308.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(10.800.000.000)	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		206.460.033.495	160.381.380.212	19.340.178.772	12.575.184.571
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	204.184.834.997	158.917.372.541	18.530.656.111	11.765.661.910
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	835.847.692	1.440.007.671	809.522.661	809.522.661
Tài sản dài hạn khác	244		1.439.350.806	24.000.000	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		2.464.208.709.935	2.025.654.673.584	2.201.860.233.780	1.733.595.266.329

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.388.651.100.968	1.023.112.370.551	1.197.190.189.172	815.483.568.314
Nợ ngắn hạn	310		1.238.244.894.919	905.374.950.256	1.134.079.358.588	795.908.831.813
Vay ngắn hạn	311	14	950.160.880.361	667.924.282.992	932.754.017.705	621.165.721.214
Phải trả thương mại	312		126.195.900.645	114.450.655.153	40.114.973.072	46.318.496.483
Người mua trả tiền trước	313		7.499.868.870	5.806.792.297	6.336.897.626	4.631.804.900
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	18.554.741.321	18.815.119.762	18.300.841.546	10.038.660.363
Phải trả người lao động	315		26.829.448.932	4.477.600.706	25.834.751.274	2.736.400.718
Chi phí phải trả	316	16	9.974.319.640	13.638.665.427	9.974.319.640	10.611.063.796
Phải trả khác	319	17	85.484.874.814	44.565.367.975	87.477.958.485	65.759.622.922
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	13.544.860.336	35.696.465.944	13.285.599.240	34.647.061.417
Nợ dài hạn	330		150.406.206.049	117.737.420.295	63.110.830.584	19.574.736.501
Nợ dài hạn khác	333		66.789.066.688	65.735.259.799	426.284.500	426.284.500
Vay dài hạn	334	19	80.143.593.277	48.222.514.236	59.211.000.000	15.383.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	3.473.546.084	3.779.646.260	3.473.546.084	3.765.452.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.046.885.979.792	955.741.161.339	1.004.670.044.608	918.111.698.015
Vốn chủ sở hữu	410		1.046.885.979.792	955.741.161.339	1.004.670.044.608	918.111.698.015
Vốn cổ phần	411	21	599.991.420.000	399.999.210.000	599.991.420.000	399.999.210.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	225.008.580.000	425.000.790.000	225.008.580.000	425.000.790.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(7.090.000)	(7.090.000)	(7.090.000)	(7.090.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		52.461.168.576	52.698.926.954	31.070.897.000	31.070.897.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.704.156.577	25.704.156.577	24.129.654.000	24.129.654.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		143.727.744.639	52.345.167.808	124.476.583.608	37.918.237.015
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	28.671.629.175	46.801.141.694	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.464.208.709.935	2.025.654.673.584	2.201.860.233.780	1.733.595.266.329

Người lập:



Đặng Thị Lại
 Kế toán trưởng



30 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Tổng doanh thu	01	3	13.798.302.596.222	10.290.503.190.514	13.077.790.334.837	9.625.462.675.283
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3	(45.921.930.526)	(34.203.428.628)	(43.326.504.617)	(34.161.993.758)
Doanh thu thuần	10		13.752.380.665.696	10.256.299.761.886	13.034.463.830.220	9.591.300.681.525
Giá vốn hàng bán	11	3	(13.210.528.300.660)	(9.755.444.424.582)	(12.582.230.280.410)	(9.199.860.068.593)
Lợi nhuận gộp	20		541.852.365.036	500.855.337.304	452.233.549.810	391.440.612.932
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	64.650.321.180	74.014.998.344	77.904.594.375	57.619.629.324
Chi phí tài chính	22	24	(60.390.301.471)	(75.807.391.931)	(55.410.407.231)	(65.064.285.736)
Chi phí bán hàng	24		(243.304.931.356)	(185.512.985.806)	(166.504.109.176)	(124.140.261.830)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(79.166.636.200)	(61.079.143.055)	(60.118.489.521)	(41.984.654.676)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		223.640.817.189	252.470.814.856	248.105.138.257	217.871.040.014
Kết quả từ các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	25	30.711.526.150	12.101.550.024	21.569.250.516	4.150.582.716
Chi phí khác	32	26	(11.902.840.151)	(1.039.248.353)	(11.756.140.090)	(989.665.615)
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	40	10	21.442.711.729	11.187.254.025	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	50		263.892.214.917	274.720.370.552	257.918.248.683	221.031.957.115
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	27	(51.946.709.715)	(54.552.299.565)	(51.363.036.090)	(45.738.661.952)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	27	(604.159.979)	(336.191.501)	-	380.378.858
Lợi nhuận thuần	60		211.341.345.223	219.831.879.486	206.555.212.593	175.673.674.021
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61	22	(676.831.791)	15.340.366.447	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		212.018.177.014	204.491.513.039	206.555.212.593	175.673.674.021
Lãi trên cổ phiếu	70	28	3.533	3.408	3.443	2.928

Người lập:

Đặng Thị Lại
 Kế toán trưởng



30 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tập đoàn	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.728.284.680	15.449.322.840	21.420.892.925	893.598.500.445
Phát hành cổ phiếu thưởng	99.999.210.000	(99.999.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	204.491.513.039	204.491.513.039
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(7.090.000)	-	-	-	(7.090.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.525.003.613	10.363.627.186	(53.079.746.192)	(21.191.115.393)
Chuyển các quỹ sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(425.337.274)	-	628.488.770	203.151.496
Cổ tức	-	-	-	-	-	(116.998.818.000)	(116.998.818.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(129.024.065)	(5.850.000)	-	(134.874.065)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(4.117.162.734)	(4.117.162.734)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(102.943.449)	-	(102.943.449)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339
Phát hành cổ phiếu	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	212.018.177.014	212.018.177.014
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	130.509.333	(75.216.879)	55.292.454
Cổ tức	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(563.517.304)	(563.517.304)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(237.758.378)	(130.509.333)	-	(368.267.711)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.070.897.000	15.120.629.000	18.858.200.994	890.049.726.994
Phát hành cổ phiếu	99.999.210.000	(99.999.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	175.673.674.021	175.673.674.021
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(7.090.000)	-	-	-	(7.090.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	9.014.875.000	(36.329.501.000)	(27.314.626.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(116.998.818.000)	(116.998.818.000)
Sử dụng quỹ dự phòng	-	-	-	-	(5.850.000)	-	(5.850.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(3.285.319.000)	(3.285.319.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	37.918.237.015	918.111.698.015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	37.918.237.015	918.111.698.015
Phát hành cổ phiếu thường	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	-	206.555.212.593
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	124.476.583.608	1.004.670.044.608

Người lập:



Đặng Thị Lài
 Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc

30 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Tập đoàn		Công ty		
		Thuyết minh	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận trước thuế	01		263.892.214.917	274.720.370.552	257.918.248.683	221.031.957.115
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		43.922.848.994	41.018.313.453	15.208.211.655	13.172.203.112
Các khoản dự phòng	03		57.814.791	2.549.400.200	23.190.188	2.603.892.647
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	22.808.291.931	-	22.131.194.245
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(2.544.166.131)	(201.736.540)	(2.544.166.131)	(213.265.540)
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con	05		-	-	(2.281.408.704)	(2.281.409.000)
Lãi từ đầu tư chứng khoán	05		-	(25.893.396.000)	-	(900.000.000)
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(3.229.607.274)	(1.286.857.437)	(3.458.000.000)	(4.178.163.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(41.503.821.527)	(33.929.329.028)	(55.962.749.172)	(41.429.423.343)
Thu nhập từ đầu tư qua quỹ đầu tư ủy thác	05		(15.125.454.250)	(10.342.193.078)	(15.125.454.250)	(10.342.193.078)
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	05		(21.442.711.729)	(11.187.254.025)	-	-
Chi phí lãi vay	06		58.801.093.754	41.421.831.862	53.623.329.476	35.701.424.763
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước			282.828.211.545	299.677.441.890	247.401.201.745	235.296.217.921
những thay đổi vốn lưu động	08					
Biến động các khoản phải thu và tài sản						
ngắn hạn khác	09		53.293.918.839	(105.161.138.461)	61.039.332.936	(57.575.941.699)
Biến động hàng tồn kho	10		(261.578.272.583)	(61.216.882.336)	(241.675.215.458)	(59.983.363.941)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả						
khác	11		62.077.903.873	11.581.239.860	2.118.611.364	(16.378.696.028)
			136.621.761.674	144.880.660.953	68.883.930.587	101.358.216.253

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	Tập đoàn		Công ty	
		2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Tiền lãi vay đã trả	13	(58.319.330.507)	(39.890.584.302)	(54.105.092.723)	(34.043.289.288)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(51.918.613.481)	(45.712.047.230)	(42.347.212.409)	(41.993.107.219)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(23.312.694.402)	(13.743.552.956)	(21.361.462.177)	(11.445.997.496)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20	3.071.123.284	45.534.476.465	(48.929.836.722)	13.875.822.250

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(112.361.991.985)	(102.468.852.843)	(66.263.175.739)	(34.007.801.836)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22	13.571.368.595	751.500.000	13.571.368.595	743.500.000
Chi đầu tư vào các công ty khác	25	(217.110.697.000)	(125.568.170.000)	(222.337.797.000)	(112.824.881.000)
Thu hồi đầu tư vào các công ty khác	26	29.675.000.000	59.393.497.000	29.675.000.000	5.650.000.000
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	51.388.081.132	33.929.329.028	55.962.749.172	41.429.423.343
Thu từ đầu tư qua quỹ đầu tư ủy thác	27	15.125.454.250	10.342.193.078	15.125.454.250	10.342.193.078
Thu từ bán công ty con, tiền thuần đã thanh lý		16.390.530.450	21.137.863.351	20.748.000.000	21.450.800.000
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(203.322.254.558)	(102.482.640.386)	(153.518.400.722)	(67.216.766.415)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		Thuyết minh	2010 VND	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Mua lại cổ phiếu quỹ	31		(7.090.000)		(7.090.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	6.599.955.894.699	3.836.446.956.347	6.515.652.194.699	3.589.602.743.108
Chi trả nợ gốc vay	34	(6.254.018.176.391)	(3.613.830.205.036)	(6.160.235.898.208)	(3.386.915.781.612)
Chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35	(2.167.099.298)	(4.092.849.000)		
Chi trả cổ tức	36	(80.716.342.550)	(96.911.091.000)	(80.716.342.550)	(137.086.545.000)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40	263.054.276.460	121.605.721.311	274.699.953.941	65.593.326.496
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	62.803.145.186	64.657.557.390	72.251.716.497	52.427.836.331
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	210.458.127.512	244.771.724.200	191.816.526.514
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(149.736.331)		527.361.355
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	337.769.093.757	317.023.440.697	244.771.724.200

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

Vui lòng xem Thuyết minh số 11 về tài sản và nợ phải trả từ thanh lý hoạt động kinh doanh.

Người lập:



Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

30 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính chó năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn có 2.340 nhân viên (31/12/2009: 2.704 nhân viên); Công ty có 2.045 nhân viên (31/12/2009: 1.833 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Cáo báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư theo tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn và Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKT 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, công cụ nợ và công cụ vốn chủ sở hữu của các công ty không chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hoặc Tập đoàn không có những ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình khí đốt

Bình khí đốt được phản ánh theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà trả trước

Chi phí thuê nhà trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê từ 1 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính chò năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo qui định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VNĐ. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Khoản chi thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản khấu hao của bình khí đốt.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính chó năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là nguồn vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp vào việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, thì khoản đối ứng đã trả, bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu. Cổ phần mua lại được phân loại vào cổ phiếu quỹ và được trình bày như một khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu.

(r) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(s) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất		Hợp nhất	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bộ phận	13.147.992.146.870	9.625.906.882.540	568.865.576.963	475.733.323.321	109.656.282.076	200.261.355.397	(28.211.409.687)	(11.398.370.744)	13.798.302.596.222	10.290.503.190.514
Các khoản giảm trừ doanh thu bộ phận	(45.878.677.653)	(34.163.577.238)	-	-	(43.252.873)	(39.851.390)	-	-	(45.921.930.526)	(34.203.428.628)
Giá vốn hàng bán bộ phần	(12.626.261.623.245)	(9.200.219.584.279)	(518.494.131.667)	(399.509.199.974)	(93.450.853.197)	(166.295.177.539)	27.678.307.449	10.579.537.210	(13.210.528.300.660)	(9.755.444.424.582)
Lợi nhuận gộp bộ phận	475.851.845.972	391.523.721.023	50.371.445.296	76.224.123.347	16.162.176.006	33.926.326.468	(533.102.238)	(818.833.534)	541.852.365.036	500.855.337.304
Kết quả bộ phận	237.532.916.491	227.349.187.790	(1.716.818.714)	31.295.914.084	2.059.544.048	8.295.020.911	313.841.654	(1.614.612.671)	238.189.483.479	265.325.510.114
Doanh thu không phân bổ									64.650.321.180	74.014.998.344
Chi phí không phân bổ									(60.390.301.471)	(75.807.391.931)
Mua sắm tài sản dài hạn	66.296.692.603	34.068.127.472	44.093.682.136	64.725.043.667	556.266.440	3.651.681.704	(574.623.277)	-	110.372.017.902	102.444.852.843
Khấu hao	11.207.655.754	9.486.041.403	2.930.297.007	3.864.554.875	2.166.956.165	3.991.565.966	-	-	16.304.908.926	17.342.162.244
Phân bổ	4.016.841.586	3.686.161.709	25.468.941.242	19.687.353.550	413.565.944	302.635.950	(2.281.408.704)	-	27.617.940.068	23.676.151.209

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tài sản của bộ phận	1.424.621.498.569	1.114.609.642.578	290.115.651.155	251.568.867.381	-	109.573.375.795	1.714.737.149.704	1.475.751.885.754
Tài sản không phân bổ	740.695.621.622		8.775.938.609				749.471.560.231	549.902.787.830
							2.464.208.709.935	2.025.654.673.584
Nợ phải trả của bộ phận	(1.203.182.553.392)	(758.158.201.794)	(185.468.547.576)	(152.721.632.959)	-	(76.536.069.854)	(1.388.651.100.968)	(987.415.904.607)

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	24.607.085.313	11.828.104.182	22.950.658.818	9.385.107.469
Tiền gửi ngân hàng	26.657.052.846	75.944.357.820	7.567.826.281	48.583.819.333
Tiền đang chuyển	231.405.078	457.431.129	231.405.078	66.741.958
Các khoản tương đương tiền	286.273.550.520	186.736.055.440	286.273.550.520	186.736.055.440
	337.769.093.757	274.965.948.571	317.023.440.697	244.771.724.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, trong tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn có các đơn vị tiền tệ khác VNĐ tương đương 358 triệu VNĐ (31/12/2009: 24 tỷ VNĐ); trong tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty có các đơn vị tiền tệ khác VNĐ tương đương 341 triệu VNĐ (31/12/2009: 17 tỷ VNĐ).

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hợp đồng ủy thác đầu tư	5.088.237.418	68.440.824.976	5.088.237.418	68.440.824.976
Cho công ty con vay	-	-	3.800.000.000	-
Phải thu từ công đoàn	-	802.479.644	-	802.479.644
Cho công ty liên kết vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Phải thu từ các dịch vụ cầm đồ	1.974.100.000	2.044.045.000	1.974.100.000	2.044.045.000
Cho cổ đông vay	-	3.830.304.190	-	-
Phải thu khác	7.496.092.056	4.401.678.614	3.812.495.952	3.938.983.682
	16.058.429.474	79.519.332.424	16.174.833.370	75.226.333.302

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Hợp đồng ủy thác đầu tư bao gồm số dư tiền mặt trong tài khoản của Công ty tại công ty được ủy thác và những khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty khác do công ty được ủy thác đại diện Tập đoàn thực hiện và được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản trên không phải ghi nhận do giá thị trường của các cổ phiếu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cao hơn nguyên giá.

Các khoản cho các công ty con và công ty liên kết vay không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả khi yêu cầu.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	1.573.294.743	721.092.873	1.573.294.743	721.092.873
Tăng dự phòng trong năm	37.975.038	911.257.776	23.190.188	911.257.776
Hoàn nhập	-	(59.055.906)	-	(59.055.906)
Số dư cuối năm	1.611.269.781	1.573.294.743	1.596.484.931	1.573.294.743

6. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng đang đi đường	365.167.709	89.010.500	365.167.709	89.010.500
Nguyên vật liệu	8.788.552.862	12.293.324.813	8.788.552.862	7.618.548.866
Công cụ và dụng cụ	7.484.186.818	5.408.682.532	7.474.954.137	5.122.601.305
Sản phẩm dở dang	5.885.590.856	4.093.837.930	5.885.590.856	4.031.573.511
Thành phẩm	30.967.036.089	47.838.397.836	30.967.036.089	25.955.783.651
Hàng hóa	653.715.317.110	442.637.079.173	620.760.507.486	426.176.441.321
Hàng gửi đi bán	44.503.193.440	8.289.200.565	44.473.063.531	8.045.698.058
	751.709.044.884	520.649.533.349	718.714.872.670	477.039.657.212

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa VND	Máy móc và Thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	60.960.203.597	88.846.097.667	10.037.204.348	19.642.184.383	179.485.689.995
Tăng trong năm	91.913.354	10.617.860.262	2.040.939.288	3.760.722.732	16.511.435.636
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở đang	20.346.494.075	8.730.261.030	-	-	29.076.755.105
Thanh lý	(2.078.286.949)	(793.446.971)	-	(209.532.590)	(3.081.266.510)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(24.813.500.249)	(24.118.729.377)	(1.158.329.683)	(1.646.356.518)	(51.736.915.827)
Số dư cuối năm	54.506.823.828	83.282.042.611	10.919.813.953	21.547.018.007	170.255.698.399
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.908.250.166	40.599.632.780	6.475.021.340	10.046.563.638	77.029.467.924
Khấu hao trong năm	3.383.984.719	9.339.875.969	1.843.939.758	1.737.108.480	16.304.908.926
Thanh lý	(994.877.918)	(444.705.903)	-	(170.245.225)	(1.609.829.046)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(12.388.511.376)	(4.826.478.317)	(540.848.498)	(561.848.439)	(18.317.686.630)
Số dư cuối năm	9.908.845.591	44.668.324.529	7.778.112.600	11.051.578.454	73.406.861.174
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	44.597.978.237	38.613.718.082	3.141.701.353	10.495.439.553	96.848.837.225
Số dư đầu năm	41.051.953.431	48.246.464.887	3.562.183.008	9.595.620.745	102.456.222.071

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản cố nguyên giá 27.558 triệu VND đã khấu hao hết (31/12/2009: 19.305 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 31.255 triệu VND (31/12/2009: 28.744 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.393.010.344	54.853.880.611	8.718.309.352	6.177.889.559	94.143.089.866
Tăng trong năm	49.999.914	10.236.089.131	1.958.270.738	2.062.845.363	14.307.205.146
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.090.893.409	-	-	-	9.090.893.409
Thanh lý	(2.078.286.949)	(793.446.971)	-	(209.532.590)	(3.081.266.510)
Số dư cuối năm	31.455.616.718	64.296.522.771	10.676.580.090	8.031.202.332	114.459.921.911
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.649.483.407	32.350.869.437	5.929.892.026	3.593.065.621	45.523.310.491
Khấu hao trong năm	1.527.765.035	7.258.125.052	1.707.361.789	698.118.193	11.191.370.069
Thanh lý	(994.877.918)	(444.705.903)	-	(170.245.225)	(1.609.829.046)
Số dư cuối năm	4.182.370.524	39.164.288.586	7.637.253.815	4.120.938.589	55.104.851.514
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	27.273.246.194	25.132.234.185	3.039.326.275	3.910.263.743	59.355.070.397
Số dư đầu năm	20.743.526.937	22.503.011.174	2.788.417.326	2.584.823.938	48.619.779.375

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản cố nguyên giá 26.851 triệu VND đã khấu hao hết (31/12/2009: 17.318 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 11.419 triệu VND (31/12/2009: 1.909 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	210.840.537.638	829.356.713	211.669.894.351
Tăng trong năm	-	39.612.012	39.612.012
Thanh lý	(9.555.765.000)	-	(9.555.765.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(8.500.000.000)	-	(8.500.000.000)
Số dư cuối năm	192.784.772.638	868.968.725	193.653.741.363
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.086.094.586	289.658.610	1.375.753.196
Phân bổ trong năm	94.443.012	199.879.968	294.322.980
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(1.180.537.598)	-	(1.180.537.598)
Số dư cuối năm	-	489.538.578	489.538.578
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	192.784.772.638	379.430.147	193.164.202.785
Số dư đầu năm	209.754.443.052	539.698.103	210.294.141.155

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	202.340.537.638	491.971.613	202.832.509.251
Thanh lý	(9.555.765.000)	-	(9.555.765.000)
Số dư cuối năm	192.784.772.638	491.971.613	193.276.744.251
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	250.297.015	250.297.015
Phân bổ trong năm	-	119.198.940	119.198.940
Số dư cuối năm	-	369.495.955	369.495.955
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	192.784.772.638	122.475.658	192.907.248.296
Số dư đầu năm	202.340.537.638	241.674.598	202.582.212.236

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty với giá trị ghi sổ là 106.543 triệu VND (31/12/2009: 17.008 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	50.077.411.701	25.124.318.854	9.422.893.409	13.164.071.681
Tăng trong năm	46.198.863.178	50.393.427.973	43.724.008.757	8.520.336.239
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(29.076.755.105)	(24.350.497.295)	(9.090.893.409)	(12.261.514.511)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(25.574.186.028)	(1.089.837.831)	(2.430.675.011)	-
Số dư cuối năm	41.625.333.746	50.077.411.701	41.625.333.746	9.422.893.409

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

10. Đầu tư dài hạn

	Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty con:		
▪ Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt (“Đại Việt”) (a)	70.000.000.000	70.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Hải sản S.G (“SG Fisco”)	-	17.290.000.000
▪ Công ty TNHH Thời trang CAO (“CAO”) (b)	10.000.000.000	3.700.000.000
▪ Công ty TNHH Giám định PNJ (“PNJL”) (c)	-	-
	80.000.000.000	90.990.000.000

- a. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 70% vốn cổ phần của Đại Việt, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Đại Việt là mua bán gas, hộp gas và phụ tùng máy móc, thiết bị, vật tư ngành dầu khí, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán dầu, mỡ bôi trơn, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu.
- b. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 100% vốn cổ phần của CAO, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của CAO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang như va li, túi xách, ví, giày, quần áo nội địa và nước hoa, đồng hồ, mắt kính, sản xuất và kinh doanh trang sức vàng và bạc; kinh doanh hàng lưu niệm, các sản phẩm đan len, nghệ thuật, các sản phẩm thủ công; nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.
- c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa góp vốn cổ phần cho công ty con này. Các hoạt động chính của PNJL là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc, đá quý, kim loại quý; mua bán máy móc và thiết bị giám định.

Biến động đầu tư vào công ty con trong năm như sau:

	Công ty	
	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	90.990.000.000	104.562.637.000
Đầu tư tăng trong năm	6.300.000.000	3.700.000.000
Thanh lý trong năm	(17.290.000.000)	(17.272.637.000)
	80.000.000.000	90.990.000.000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần An Cư Đông Á ("An Cư Đông Á") (d)	89.039.291.026	71.965.739.593	91.866.300.000	70.066.300.000
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Nhiên liệu Sài Gòn") (e)	164.711.172.196	49.926.514.956	138.608.529.680	40.818.582.680
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina ("Hong Vina") (f)	7.703.038.609	7.838.224.881	-	-
	261.453.501.831	129.730.479.430	230.474.829.680	110.884.882.680

d. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 30,62% vốn cổ phần của An Cư Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của An Cư Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và đại lý bất động sản; kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

e. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 49,99% vốn cổ phần của Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty niêm yết được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas; kinh doanh các công cụ, dụng cụ và máy móc dùng dầu và gas, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng gỗ, dịch vụ vận chuyển, cho thuê và tư vấn xây dựng.

f. Khoản vay này thể hiện 35% vốn cổ phần của Hong Vina, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do Công ty Cổ phần Năng Lượng Đại Việt - công ty con do Công ty sở hữu 70% vốn nắm giữ. Hoạt động chính của Hong Vina là sản xuất và kinh doanh bình gas, bình nén khí và các linh kiện của các sản phẩm này, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì bình gas.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	129.730.479.430	79.000.021.680	110.884.882.680	79.000.021.680
Góp vốn	119.589.947.000	39.392.641.000	119.589.947.000	31.884.861.000
Lợi ích trong công ty liên kết	22.017.335.006	11.337.816.750	-	-
Cổ tức nhận được trong năm	(9.884.259.605)	-	-	-
Số dư cuối năm	261.453.501.831	129.730.479.430	230.474.829.680	110.884.882.680

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư dài hạn khác vào:				
▪ Cổ phiếu Ngân hàng Đông Á	356.775.363.400	272.083.613.400	356.775.363.400	272.083.613.400
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần bất động sản Saigon M&C	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Quê Hương – Liberty	40.833.320.000	40.833.320.000	40.833.320.000	40.833.320.000
▪ Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Quê Hương – Liberty (g)	1.666.600.000	-	1.666.600.000	-
▪ Trái phiếu chính phủ	-	200.000.000	-	200.000.000
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư (h)	10.089.500.000	-	10.089.500.000	-
▪ Khác	1.072.900.000	-	-	-
	498.818.058.400	401.497.308.400	497.745.158.400	401.497.308.400

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- g. Khoản đầu tư dài hạn này bao gồm 8.333 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Quê Hương – Liberty phát hành. Các trái phiếu này có mệnh giá là 100.000 VNĐ, không chịu lãi và được chuyển đổi thành cổ phiếu vào ngày 26 tháng 12 năm 2012 theo tỷ lệ chuyển đổi là 10 cổ phiếu cho 1 trái phiếu.
- h. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện các khoản được tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư – Phát triển đất tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Du lịch Festival và An Cư Đông Á, một công ty liên kết. Mục đích chính của dự án là xây dựng và khai thác kinh doanh khu liên hợp khách sạn và căn hộ tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các chủ đầu tư của dự án này vẫn đang tiếp tục xin giấy phép xây dựng từ cơ quan chính quyền địa phương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản đầu tư dài hạn khác gồm cổ phiếu của ngân hàng Đông Á với giá trị ghi sổ là 257 tỷ VNĐ (31/12/2009: 205 tỷ VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

	Tập đoàn/Công ty	
	2010	2009
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)

Không có biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

11. Các công ty trong Tập đoàn

Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	31/12/2010		31/12/2009	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Hải sản S.G	C24-24B/II, Đường số 2F, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	57,63%	57,63%
Công ty TNHH Thời trang CAO	170E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	-	-
Công ty TNHH Giám định PNJ	205 Phan Đăng Lưu Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần An Cư Đông Á	432R/12 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	30,62%	30,62%	23,36%	23,36%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	49,99%	49,99%	22,72%	22,72%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	24,50%	24,50%	24,50%	24,50%

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Trong năm, Công ty thanh lý một công ty con - Công ty Cổ phần Hải sản S.G tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, chi tiết như sau:

	VND
Tài sản thuần của công ty con tại ngày thanh lý	
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.357.469.550
Các khoản phải thu	13.894.617.972
Hàng tồn kho	30.518.761.048
Tài sản ngắn hạn khác	3.276.124.090
Tài sản cố định	40.738.691.599
Tài sản dài hạn khác	605.213.560
Nợ phải trả	
Vay ngắn hạn	(22.953.700.000)
Phải trả thương mại	(23.620.405.022)
Nợ ngắn hạn khác	(6.220.992.884)
Nợ dài hạn	(8.826.341.898)
Tài sản thuần tại ngày thanh lý	31.769.438.015
Lợi ích cổ đông thiểu số	(13.882.777.578)
	17.886.660.437
Tiền thu được từ thanh lý	20.748.000.000
	2.861.339.563
Cộng:	
Quỹ đầu tư phát triển	237.758.378
Quỹ dự phòng tài chính	130.509.333
Lợi nhuận thuần từ thanh lý công ty con	3.229.607.274

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Bình khí đốt VND	Thuê nhà VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	146.096.960.138	5.653.286.100	1.624.963.450	5.542.162.853	158.917.372.541
Tăng trong năm	38.560.367.425	-	5.761.233.323	2.725.883.051	47.047.483.799
Lợi nhuận chưa thực hiện	574.623.277	-	-	-	574.623.277
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	23.143.511.017	2.430.675.011	25.574.186.028
Phân bổ trong năm	(22.697.996,047)	(2.209.719.000)	(583.410.789)	(1.832.491.252)	(27.323.617.088)
Giảm từ thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(605.213.560)	(605.213.560)
Số dư cuối năm	162.533.954.793	3.443.567.100	29.946.297.001	8.261.016.103	204.184.834.997

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22.787 triệu VND (31/12/2009: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của một công ty con.

Công ty

	Thuê nhà VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	5.653.286.100	1.624.963.450	4.487.412.360	11.765.661.910
Tăng trong năm	-	5.761.233.323	2.470.728.513	8.231.961.836
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.430.675.011	2.430.675.011
Phân bổ trong năm	(2.209.719.000)	(227.356.773)	(1.460.566.873)	(3.897.642.646)
Số dư cuối năm	3.443.567.100	7.158.840.000	7.928.249.011	18.530.656.111

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	941.363.000	941.363.000	941.363.000	941.363.000
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng trong nội bộ Tập đoàn	26.325.031	630.485.010	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(131.840.339)	(131.840.339)	(131.840.339)	(131.840.339)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	835.847.692	1.440.007.671	809.522.661	809.522.661

Theo các quy định thuế hiện hành, các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực.

14. Vay ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn				
▪ Bằng Đô la Mỹ	114.289.500.000	26.817.000.000	114.289.500.000	26.817.000.000
▪ Bằng VNĐ	129.758.888.666	134.815.390.570	116.758.888.666	92.415.390.570
▪ Bằng vàng	685.633.629.039	501.218.330.644	685.633.629.039	501.218.330.644
	929.682.017.705	662.850.721.214	916.682.017.705	620.450.721.214
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	20.478.862.656	5.073.561.778	16.072.000.000	715.000.000
	950.160.880.361	667.924.282.992	932.754.017.705	621.165.721.214

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản vay ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản 478.140 triệu VNĐ (31/12/2009: 319.962 triệu VNĐ) không được bảo đảm và 438.542 triệu VNĐ (31/12/2009: 300.488 triệu VNĐ) được bảo đảm bằng cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ là 257 tỷ VNĐ (31/12/2009: 205 tỷ VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm khoản 13.000 triệu VNĐ (31/12/2009: 14.400 triệu VNĐ) được Công ty bảo lãnh.

Các khoản vay từ ngân hàng và cá nhân bằng Đô la Mỹ, VNĐ và vàng chịu lãi suất năm dao động lần lượt từ 5,80% đến 7,00% (2009: 5,50% đến 7,50%), từ 8,40% đến 18,60% (2009: 9,80% đến 12,00%) và từ 2,40% đến 7,90% (2009: 5,40% đến 7,90%) một năm.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.376.746.232	2.837.398.135	2.140.676.808	2.825.995.746
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.950.917.478	15.650.050.638	15.950.917.478	6.935.093.797
Thuế khác	227.077.611	327.670.989	209.247.260	277.570.820
	18.554.741.321	18.815.119.762	18.300.841.546	10.038.660.363

16. Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí lãi vay	2.085.914.946	2.567.678.193	2.085.914.946	2.567.678.193
Tiền thưởng và lương tháng 13	-	2.025.352.570	-	-
Chi phí khuyến mại, chiết khấu	7.259.713.748	4.130.255.519	7.259.713.748	3.129.326.822
Phí dịch vụ chuyên môn	-	388.059.000	-	388.059.000
Thuê nhà	628.690.946	1.137.620.410	628.690.946	1.137.620.410
Lỗ từ kinh doanh vàng	-	1.794.069.934	-	1.794.069.934
Lỗ từ hợp đồng ngoại hối	-	1.279.500.000	-	1.279.500.000
Chi phí khác	-	316.129.801	-	314.809.437
	9.974.319.640	13.638.665.427	9.974.319.640	10.611.063.796

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

17. Phải trả khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phí công đoàn	2.241.645.600	1.284.787.522	1.848.551.703	910.520.322
Bảo hiểm xã hội	174.599.314	540.544.945	107.893.103	473.018.826
Bảo hiểm y tế	338.235.803	444.854.097	337.917.867	427.194.177
Cổ tức	61.341.637.152	21.059.613.000	60.340.136.450	21.059.613.000
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	4.734.330.673	7.015.739.377
Quỹ cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.613.115.644	6.620.466.852	3.613.115.644	6.339.175.546
Cho các công ty con vay	-	-	-	16.149.448.994
Khác	17.775.641.301	14.615.101.559	16.496.013.045	13.384.912.680
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	85.484.874.814	44.565.367.975	87.477.958.485	65.759.622.922

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	35.696.465.944	19.960.194.077	34.647.061.417	18.772.582.913
Tăng trong năm	909.528.000	29.344.950.758	-	27.314.626.000
Phân loại lại từ quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	281.291.306	-	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	(23.312.694.402)	(13.608.678.891)	(21.361.462.177)	(11.440.147.496)
Giảm từ thanh lý hoạt động kinh doanh	(29.730.512)	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	13.544.860.336	35.696.465.944	13.285.599.240	34.647.061.417

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

19. Vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Từ Ngân hàng Đông Á				
▪ Khoản vay 1	-	10.756.900.081	-	-
▪ Khoản vay 2 (a)	690.000.000	1.098.000.000	690.000.000	1.098.000.000
▪ Khoản vay 3 (b)	14.693.000.000	15.000.000.000	14.693.000.000	15.000.000.000
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu				
▪ Khoản vay 4 (c)	25.339.455.933	26.441.175.933	-	-
▪ Khoản vay 5 (d)	9.900.000.000	-	9.900.000.000	-
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín				
▪ Khoản vay 6 (e)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
	100.622.455.933	53.296.076.014	75.283.000.000	16.098.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(20.478.862.656)	(5.073.561.778)	(16.072.000.000)	(715.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	80.143.593.277	48.222.514.236	59.211.000.000	15.383.000.000

- a. Khoản vay 2 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.580 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.909 triệu VNĐ) và chịu lãi suất năm từ 6,50% đến 11,6% (2009: 10,5%). Khoản vay này được hoàn trả trong 35 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 34 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2012.
- b. Khoản vay 3 được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 9.595 triệu VNĐ (31/12/2009: 9.595 triệu VNĐ) và chịu lãi suất năm từ 8% đến 11,6% (2009: 12%). Khoản vay này được hoàn trả trong 48 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 307 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 12 năm 2010 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2014.
- c. Khoản vay 4 liên quan đến khoản vay của một công ty con được Công ty bảo lãnh và được đảm bảo bằng chi phí thuê đất trả trước và tài sản cố định hữu hình hình thành trên quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 22.787 triệu VNĐ và 19.836 triệu VNĐ (31/12/2009: xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 40.654 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,5% đến 19,14% (2009: 10,05% đến 12%). Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 69 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 367 triệu VNĐ và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2016.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- d. Khoản vay 5 được bảo đảm bằng nhà cửa với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.958 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là 18%. Khoản vay này được hoàn trả trong 60 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 165 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 1 năm 2011 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2015.
- c. Khoản vay 6 được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 96.948 triệu VNĐ và 881 triệu VNĐ chịu lãi suất năm là 20.5%. Khoản vay này được hoàn trả trong 60 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 833 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 1 năm 2011 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2015.

20. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Tập đoàn VNĐ	Công ty VNĐ
Số dư đầu năm	3.779.646.260	3.765.452.001
Trích lập dự phòng trong năm	19.839.753	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(325.939.929)	(291.905.917)
Số dư cuối năm	3.473.546.084	3.473.546.084

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã đóng 774 triệu VNĐ (2009: 288 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Công ty đã đóng 695 triệu VNĐ (2009: 288 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.999.142	599.991.420.000	40.000.000	400.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.142	599.991.420.000	39.999.921	399.999.210.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(709)	(7.090.000)	(709)	(7.090.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.998.433	599.984.330.000	39.999.212	399.992.120.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	39.999.212	399.992.120.000	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	19.999.221	199.992.210.000	9.999.921	99.999.210.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	(709)	(7.090.000)
Số dư cuối năm	59.998.433	599.984.330.000	39.999.212	399.992.120.000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	425.000.790.000	525.000.000.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	(199.992.210.000)	(99.999.210.000)
Số dư cuối năm	225.008.580.000	425.000.790.000

22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Tập đoàn	
	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	46.801.141.694	50.759.929.838
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	(676.831.791)	15.340.366.447
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(401.303.150)	(8.153.835.365)
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	(3.168.600.000)	(4.092.849.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(13.882.777.578)	(7.316.439.998)
Chuyển từ các quỹ	-	263.969.772
Số dư cuối năm	28.671.629.175	46.801.141.694

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.536.282.927	1.536.487.997	857.388.947	720.815.943
Lãi đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	15.125.454.250	10.342.193.078	15.125.454.250	10.342.193.078
Lãi từ đầu tư chứng khoán	-	25.893.396.000	-	900.000.000
Cổ tức	39.967.538.600	32.392.841.031	55.105.360.225	40.708.607.400
Thu nhập từ kinh doanh vàng	415.202.987	769.849.903	415.202.987	769.849.903
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.529.097.846	1.744.736.740	2.096.050.670	-
Lãi từ thanh lý công ty con	3.229.607.274	1.286.857.437	3.458.000.000	4.178.163.000
Doanh thu tài chính khác	847.137.296	48.636.158	847.137.296	-
	64.650.321.180	74.014.998.344	77.904.594.375	57.619.629.324

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

24. Chi phí tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Chi phí lãi vay	58.801.093.754	41.421.831.862	53.623.329.476	35.701.424.763
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	127.822.500	156.218.940	127.822.500	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	748.882.172	33.834.806.486	1.071.270.845	29.362.860.973
Chi phí tài chính khác	712.503.045	394.534.643	587.984.410	-
	60.390.301.471	75.807.391.931	55.410.407.231	65.064.285.736

25. Thu nhập khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con	-	-	2.281.408.704	2.281.409.000
Tiền ký quỹ bình khí đối phân bổ vào thu nhập	11.133.754.723	9.799.005.182	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	603.456.906	751.500.000	603.456.906	743.500.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định vô hình	12.967.911.689	-	12.967.911.689	-
Thu từ thanh lý công cụ, thiết bị và linh kiện	-	65.902.000	-	-
Thu nhập khác	6.006.402.832	1.485.142.842	5.716.473.217	1.125.673.716
	30.711.526.150	12.101.550.024	21.569.250.516	4.150.582.716

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

26. Chi phí khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình thanh lý	1.471.437.464	-	1.471.437.464	-
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định vô hình thanh lý	9.555.765.000	-	9.555.765.000	-
Chi phí khác	875.637.687	1.039.248.353	728.937.626	989.665.615
	11.902.840.151	1.039.248.353	11.756.140.090	989.665.615

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	51.832.333.498	54.552.299.565	51.363.036.090	45.738.661.952
Dự phòng thiếu trong những năm trước	114.376.217	-	-	-
	51.946.709.715	54.552.299.565	51.363.036.090	45.738.661.952
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại				
Phát sinh/(hoàn nhập) chênh lệch tạm thời	604.159.979	336.191.501	-	(380.378.858)
Chi phí thuế thu nhập	52.550.869.694	54.888.491.066	51.363.036.090	45.358.283.094

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	263.892.214.917	274.720.370.552	257.918.248.683	221.031.957.115
Thuế theo thuế suất của Công ty	66.973.053.729	68.680.092.638	64.479.562.170	55.257.989.279
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(132.325.926)	(275.667.402)		-
Chi phí không được khấu trừ thuế	704.622.648	481.032.916	659.813.976	277.445.665
Thu nhập miễn thuế	(15.496.218.401)	(10.267.306.225)	(13.776.340.056)	(10.177.151.850)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗ tính thuế không được ghi nhận	1.109.446.954	281.328.985	-	-
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(97.756.463)	(4.010.989.846)	-	-
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	375.670.936	-	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	114.376.217	-	-	-
	52.550.869.694	54.888.491.066	51.363.036.090	45.358.283.094

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước như sau:

Doanh nghiệp	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	25%	Không
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	25%	Không
Công ty TNHH CAO Fashion	25%	Không
Công ty Cổ phần Thủy sản S.G	15%	Giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014 và giảm thêm 20% chi phí thuế thu nhập trên phần lợi nhuận từ xuất khẩu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành, được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	212.018.177.014	204.491.513.039	206.555.212.593	175.673.674.021
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	212.018.177.014	204.491.513.039	206.555.212.593	175.673.674.021

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	Tập đoàn/Công ty	
	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	39.999.921	30.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng đã phát hành vào ngày 15 tháng 10 năm 2009	-	9.999.921
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng đã phát hành vào ngày 11 tháng 8 năm 2010	19.999.221	19.999.221
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ được mua lại vào ngày 19 tháng 10 năm 2009	(709)	(142)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	59.998.433	59.999.000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	Giá trị giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2010	2009	2010	2009
	VND	VND	VND	VND
Các công ty liên quan				
Đại Việt				
Vay từ Đại Việt	-	-	10.500.000.000	16.216.152.804
Cổ tức nhận được	-	-	4.900.000.000	9.800.000.000
Thanh lý công ty con	-	-	-	10.725.400.000
Cho Đại Việt vay	-	-	2.572.761.734	16.041.552.804
CAO				
Bán hàng hóa	-	-	24.511.276.378	20.091.222
Mua hàng hóa	-	-	8.159.576.539	344.195.165
Vốn góp	-	-	6.300.000.000	3.700.000.000
Cho CAO vay	-	-	7.635.097.937	-
SG Fisco				
Cổ tức nhận được	-	-	1.383.200.000	-
An Cư Đông Á				
Phải trả xây dựng sửa chữa nhà cửa	9.620.570.626	12.896.484.187	9.620.570.626	12.896.484.187
Cho An Cư Đông Á vay	11.500.000.000	32.000.000.000	11.500.000.000	32.000.000.000
Tạm ứng	-	22.500.000.000	-	22.500.000.000
Vốn góp	21.800.000.000	23.866.300.000	21.800.000.000	23.866.300.000
Cổ tức nhận được	1.869.324.625	-	1.869.324.625	-
Nhiên liệu Sài Gòn				
Cổ tức nhận được	6.985.297.000	2.045.204.000	6.985.297.000	2.045.204.000
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành				
Cổ tức nhận được	-	45.000.000	-	45.000.000
Hong Vina				
Bán tài sản cố định	-	710.000.000	-	710.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	34.913.894.618	6.562.578.260	34.913.894.618	6.562.578.260
Cổ tức nhận được	1.029.637.260	-	1.029.637.980	-

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Tập đoàn		Công ty	
	Giá trị giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2010	2009	2010	2009
	VND	VND	VND	VND
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị				
Lương và thù lao	5.868.989.648	5.013.938.080	5.394.051.648	5.013.938.080

30. Các cam kết

(a) Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn và Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	79.721.269.600	25.143.362.700	79.089.169.600	22.846.053.800

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	24.947.346.415	7.106.035.539	18.800.260.260	7.020.819.101
Trong vòng hai đến năm năm	49.444.851.589	15.991.273.139	40.071.721.654	15.510.944.372
Sau năm năm	30.491.461.834	4.414.989.745	30.491.461.834	4.414.989.745
	104.883.659.838	27.512.298.423	89.363.443.748	26.946.753.218

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Tập đoàn		Công ty	
	2010 VND	2009 VND	2010 VND	2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	12.729.172.792.277	9.062.511.552.189	12.592.049.049.660	8.936.996.430.269
Chi phí nhân công và nhân viên	179.172.151.417	124.228.475.909	148.214.888.494	97.445.471.605
Chi phí khấu hao và phân bổ	43.922.848.994	16.039.703.608	15.208.211.655	9.583.568.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.350.572.937	58.594.102.859	38.333.219.889	43.138.206.775
Chi phí khác	126.717.266.911	76.097.719.815	96.458.351.913	64.592.519.155

32. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2009 (Phân loại lại) VND	31/12/2009 (đã trình bày trước đây) VND	31/12/2009 (Phân loại lại) VND	31/12/2009 (đã trình bày trước đây) VND
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ ngắn hạn)	35.696.465.944	-	34.647.061.417	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (vốn chủ sở hữu)	-	35.696.465.944	-	34.647.061.417

Người lập:  Người duyệt: 

 **CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN**

Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

30 MAR 2011